| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN VĂN THỜI**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 415/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 10 năm 2022
Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà: Lâm Yến Nhi

Bà: Nguyễn Kim Lên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Việt Xô - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Hồ Quốc T**, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 14, xã N, huyện U, tỉnh C ..

*Bị đơn:* Chị **Phạm Thị Bé H,** sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh C ..

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2022, nguyên đơn là ông Hồ Quốc T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Bé H kết hôn với nhau vào năm 2016 hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân nay mấy tháng nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Bé H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn Phạm Thị Bé H trình bày:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành

triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ và xét xử nhưng chị Bé H vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời trình bài của chị Bé H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn và bị đơn có nơi trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Hồ Quốc T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Phạm Thị Bé H, tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh T là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh T là nguyên đơn, chị H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh T và chị H hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và được bảo vệ. Về mâu thuẫn không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; Anh T, chị bé H đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T và chị H đã ly thân thời gian dài. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị H.

[3] *Về con chung:* Anh T và chị H không có con chung, không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh T xác định không có, nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Hồ Quốc T được ly hôn với chị Phạm Thị Bé H.

**2.** Về án phí: Anh Hồ Quốc T phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 08/8/2022 anh T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005256 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

**3.** Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Lợi An, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

**Trương Thanh Thủy**